

Tủ Sách Văn Học Thế Giới
LÊ THANH HOÀNG DẪN

YUKIO MISHIMA SAU BỮA TIỆC



TUYẾT SINH DỊCH VÃ GIỚI THIỆU

Sau Bữa Tiệc

Yukio Mishima

TRẺ xuất bản 1974

vietmessenger.com

Tuyệt Sinh dịch

Yukio Mishima (三島 由紀夫; phiên âm: **(Tam Đảo Do Kỷ Phu)**, tên thật **Hiraoka Kimitake** (平岡 公威; phiên âm: **Bình Cương Công Uy**) (14 tháng 1 1925 - 25 tháng 11 1970) là một nhà văn và nhà biên kịch Nhật Bản, nổi tiếng với các tác phẩm như *Kinkakuji* (1956), bộ bốn tác phẩm "豊饒の海" (Hōjō no Umi, Biển cả muôn màu, 1965-70).

 Yukio Mishima
YUKIO MISHIMA
(1925-1970)

Mishima sinh ra tại quận Yotsuya ở Tokyo (ngày nay là một phần của Shinjuku). Cha ông là Azusa Hiraoka, một nhân viên chính phủ, trong khi mẹ ông Shizue, là con một hiệu trưởng tại Tokyo. Ông bà nội của Mishima là Jotarō và Natsuko Hiraoka. Ông có một người em trai tên là Chiyuki và một em gái tên Mitsuko, người qua đời sớm do sốt ban.

Tuổi thơ của Mishima bị phủ bóng bởi người bà Natsu, người đã nuôi và cách ly ông khỏi gia đình trong vài năm. Natsu là cháu nuôi của Matsudaira Yoritaka, một daimyo của Shishido tại tỉnh Hitachi và lớn lên trong gia đình công chúa Arisugawa Taruhito; bà vẫn duy trì lễ giáo quý tộc ngay cả sau khi kết hôn với ông của Mishima. Natsu là một người cực cần và dễ nổi nóng, điều này thường xuyên được ám chỉ trong các tác phẩm của Mishima. Chính qua tìm hiểu Natsu mà một số người đã phát hiện nổi ám ảnh với cái chết của Mishima. Natsu thường không cho Mishima ra ngoài ánh nắng hay tham gia vào bất hoạt động thể thao nào với các cậu bé khác; điều này khiến ông phải dành phần lớn thời gian một mình hoặc chơi đồ chơi con gái.

Mishima trở lại gia đình năm 12 tuổi. Cha ông, một con người của kỷ luật quân đội, đã áp dụng kỷ luật sắt với cậu bé Mishima bằng cách bồng cậu bé lên thành của một con tàu cao tốc; cha của Mishima cũng thường xuyên lòng sục

phòng của ông và phát hiện những sở thích "ẻo lả" về văn chương của Mishima và xé các bản thảo đó của ông.

Ở tuổi 12, Mishima viết những câu chuyện đầu tiên của ông. Ông đọc ắt nhiều các tác phẩm của Oscar Wilde, Rainer Maria Rilke và vô số những tác gia kinh điển Nhật Bản khác. Ông nhập học một trường dành cho tầng lớp quý tộc ở Nhật.

Sau sáu năm học, Mishima trở thành thành viên trẻ nhất trong ban biên tập văn học của trường, ông bị cuốn hút bởi các tác phẩm của Tachihara Michizō. Những tác phẩm xuất bản đầu tiên của ông bao gồm thơ *Waka*, trước khi chuyển hướng sang thể loại văn xuôi.

Mishima được mời viết chuyện ngắn văn xuôi cho tạp chí văn học của trường và gửi bản *Hanazakari no Mori* (花ざかりの森 *The Forest in Full Bloom*), một câu chuyện trong đó người kể mô tả cảm xúc về những người tổ tiên còn sống trong nội tâm nhân vật. Giáo viên của Mishima rất ấn tượng với câu chuyện và họ giới thiệu nó cho tạp chí văn học uy tín, *Bungei-Bunka* (文芸文化 *Literary Culture*). Câu chuyện với ngôn ngữ ẩn dụ và cách ngôn, đã được xuất bản năm 1944, giới hạn trong 4000 bản do việc thiếu nguyên liệu giấy thời chiến tranh. Để bảo vệ ông khỏi phản ứng từ các bạn đồng môn, các giáo viên của Mishima đã đặt cho ông bút danh "Yukio Mishima".

Chuyện *Tabako* (煙草, tạm dịch: *Thuốc lá*), xuất bản năm 1946, mô tả sự khinh miệt và đối xử mà Mishima gặp phải ở trường khi ông thổ lộ với những thành viên của CLB Rugby trường rằng ông gắn bó với nghề văn chương. Những kí ức này cũng là nguồn tư liệu cho tác phẩm *Shi o Kaku Shōnen* (詩を書く少年, tạm dịch: *Cậu bé làm thơ*) sau này, xuất bản năm 1954.

Mishima bị gọi kiểm tra sức khỏe quân ngũ trong thế chiến II. Nhưng khi kiểm tra sức khỏe, ông bị cảm lạnh và đã nói dối với bác sĩ quân đội rằng mình bị lao, vì vậy Mishima

đã được tuyên bố là không đủ tiêu chuẩn sức khỏe nhập ngũ.

Dù cho người cha cấm ông không được viết truyện nữa, nhưng Mishima vẫn tiếp tục bí mật viết vào buổi đêm, dưới sự ủng hộ và bảo vệ của mẹ ông, bà luôn là người đầu tiên đọc một chuyện mới của Mishima. Tham dự các buổi thuyết giảng ban ngày và viết chuyện ban đêm, Mishima tốt nghiệp trường Đại học Tokyo năm 1947. Sau đó ông dành được một vị trí nhân viên bộ tài chính trong chính phủ, một tương lai sáng lạn đang chờ đón.

Tuy nhiên, Mishima lại cảm thấy kiệt sức và cha ông đồng ý cho ông từ chức trong năm đầu tiên để tập trung thời gian cho viết lách.

Mishima bắt đầu viết chuyện ngắn *Misaki nite no Monogatari* (岬にての物語 *A Story at the Cape*) năm 1945 và tiếp tục viết cho đến cuối thế chiến thứ 2. Vào tháng 1 năm 1946, ông tới thăm nhà văn Yasunari

Kawabata tại Kamakura và mang theo bản thảo chuyện *Chūsei* (中世 *The Middle Ages*) và *Tabako*, nhằm xin lời khuyên và sự giúp đỡ của Kawabata. Tháng 6 năm 1946, nhờ lời khuyên của Kawabata, *Tabako* được tạp chí văn chương mới *Ningen* (人間 *Humanity*) xuất bản.

Cũng trong năm 1946, Mishima bắt đầu viết tiểu thuyết đầu tay, *Tōzoku* (盗賊 *Thieves*), trong đó câu chuyện kể về hai thành viên trẻ trong gia đình quý tộc luôn muốn được tự vẫn. Tiểu thuyết này xuất bản năm 1948, nhờ nó mà Mishima đã được xếp vào hàng ngũ thế hệ thứ hai của những nhà văn thời hậu chiến. Sau đó, ông cho ra đời *Confessions of a Mask*, một tác phẩm bán tự truyện kể về người đồng tính luôn phải lấp sau mặt nạ để hòa nhập vào xã hội. Cuốn tiểu thuyết đã rất thành công và biến Mishima trở thành một nhân vật nổi tiếng ở tuổi 24.

Vào khoảng năm 1949, Mishima cho xuất bản một serie tiểu luận trong *Kindai Bungaku* về Kawabata Yasunari, người

mà ông dành cho một sự ngưỡng mộ sâu sắc. Mishima là một nhà văn đa tài, ông không chỉ viết tiểu thuyết, tiểu thuyết ngắn, chuyện ngắn, tiểu luận mà còn là một nhà biên kịch có tiếng cho sân khấu kịch Kabuki và những phiên bản hiện đại của thể loại kịch Nō.

Các tác phẩm của ông đã dành được tiếng vang quốc tế và rất nhiều trong số đó đã được dịch sang tiếng Anh.

Mishima đã đi tới rất nhiều nơi; năm 1952, ông tới thăm Hy Lạp, đất nước đã từng làm say đắm ông từ thời thơ ấu. Những kinh nghiệm thu được từ chuyến thăm đã xuất hiện trong *Shiosai (Sound of the Waves)*, xuất bản năm 1954, câu chuyện lấy cảm hứng từ thần thoại Daphnis và Chloe của Hy Lạp.

Mishima cũng khắc họa những sự kiện đương thời trong các tác phẩm của mình. *The Temple of the Golden Pavilion* xuất bản năm 1956, là một câu chuyện tiểu thuyết hóa về vụ cháy ngôi chùa nổi tiếng ở Kyoto. *Utage no Ato (After the Banquet)*, xuất bản năm 1960, bám sát những sự kiện xung quanh chiến dịch tranh cử thị trưởng Tokyo của chính trị gia Hachirō Arita, vì tác phẩm này mà Mishima đã bị kiện vì tội xâm phạm cá nhân. Năm 1962, tác phẩm *Utsukushii Hoshi (Beautiful Star)*, một tác phẩm gần với thể loại khoa học viễn tưởng thời đó, được xuất bản và nhận được những phản ứng trái ngược.

Mishima từng ba lần được đề cử giải Nobel và là một nhà văn yêu thích của rất nhiều nhà xuất bản quốc tế. Tuy nhiên, năm 1968, người thầy đầu tiên của ông Kawabata dành được giải Nobel và Mishima hiểu rằng cơ hội nhận được giải thưởng cho người Nhật Bản trong tương lai gần là rất nhỏ. Cũng có tin đồn rằng Mishima muốn chuyển giải thưởng cho bậc lão thành Kawabata, người đã giới thiệu ông tới văn đàn Tokyo trong thập niên 1940.

Năm 1955, Mishima tham gia lớp tập thể thao và chế độ dinh dưỡng cho tập luyện ba buổi một tuần được ông tuân

thủ trong suốt 15 năm cuối đời. Trong bài tiểu luận xuất bản năm 1968, *Sun and Steel*, Mishima phàn nàn về việc những nhà trí thức coi trọng đầu óc hơn thân thể. Mishima sau đó đã trở nên rất điều luyện với môn kendō.

Dù cho đã từng thăm các quán bar dành cho gay ở Nhật Bản, vấn đề định hướng giới tính của Mishima hiện vẫn là một chủ đề bàn thảo ở Nhật. Mishima kết hôn với Yoko Sugiyama ngày 11 tháng 6 năm 1958 và có hai con là Noriko (1959) và Lichiro (1962).

Năm 1967, Mishima gia nhập Lực lượng phòng vệ đất liền Nhật Bản và trải qua việc tập luyện cơ bản. Một năm sau đó, ông thành lập Tatenokai (Hội lá chắn) nhằm tập hợp các thanh niên trai tráng có võ và thể sẽ bảo vệ Nhật Hoàng.

Trong 10 năm cuối cuộc đời, Mishima viết một vài vở kịch và tham gia đóng trong vài bộ phim cũng như đồng chỉ đạo một bộ phim chuyển thể từ một trong những chuyện của ông, *Patriotism, the Rite of Love and Death*.

Ông cũng tiếp tục viết bộ bốn tác phẩm , *Hōjō no Umi* (*Sea of Fertility*), những tác phẩm xuất bản theo khổ định kỳ từ tháng 9 năm 1965.

Ngày 25 tháng 11 năm 1970, Mishima và bốn thành viên của Hội lá chắn, tới thăm sĩ quan chỉ huy doanh trại Ichigaya, một trụ sở ở Tokyo của Lực lượng phòng vệ Nhật Bản. Bên trong trụ sở, họ dựng chướng ngại vật và trối vị chỉ huy trên ghế. Với một bản tuyên ngôn và khẩu hiệu chuẩn bị sẵn nêu rõ các yêu cầu, Mishima bước ra ban công để hô hào các binh sĩ tụ tập phía dưới và xúi dục họ đảo chính để thiết lập lại sức mạnh của hoàng đế. Tuy nhiên, những lời nói của Mishima chỉ khiến chọc giận các binh sĩ và bản thân ông thì bị chế giễu. Ông hoàn thành bài diễn văn đã chuẩn bị sẵn, trở lại phòng chỉ huy và tự sát theo nghi thức *seppuku*, nhiệm vụ sau cùng truyền thống của nghi thức này được giao cho thành viên Masakatsu Morita của Hội lá chắn thực hiện, tuy nhiên Morita không đủ khả năng thực hiện điều này

và cuối cùng Mishima cho phép một thành viên khác của Hội lá chắn, là Hiroyasu Koga, chặt đầu ông.

Những nghi vấn được đặt ra xung quanh sự tự vẫn của Mishima. Vào thời điểm Mishima qua đời, ông đã hoàn thành tác phẩm cuối cùng *The Sea of Fertility*. Ông được công nhận là một trong những nhà văn hậu chiến phong cách nhất trong văn học ngôn ngữ Nhật.

Mishima viết 40 tiểu thuyết, 18 vở kịch, 20 sách về chuyện ngắn, khoảng 20 sách về tiểu luận cũng như một kịch bản. Phần lớn các tác phẩm này bao gồm những cuốn sách được viết nhanh nhằm thu lợi nhuận, dù chúng bị coi nhẹ nhưng những phần quan trọng của các cuốn sách này vẫn được lưu giữ.

Vào cuối đời, Mishima là một người tán dương chủ nghĩa dân tộc. Các nhân vật cánh tả không ưa gì ông, đặc biệt là vì ý tưởng chán hưng tinh thần võ sĩ đạo (bushidō) của Mishima, ông cũng bị rất nhiều những người theo chủ nghĩa dân tộc chỉ trích vì luận điểm nêu ra trong *Bunka Bōeiron* (文化防衛論 *A Defense of Culture*), cho rằng Hirohito nên thoái vị và phải nhận trách nhiệm cho sự chết chóc trong chiến tranh.

- Giải Shincho của Nhà xuất bản Shinchosha, 1954, cho *The Sound of Waves*.

- Giải Kishida của Nhà xuất bản Shinchosha cho các tác phẩm kịch, 1955.

- Giải Yomiuri của Báo Yomiuri Newspaper Co., cho tiểu thuyết xuất sắc nhất, 1957, *The Temple of the Golden Pavilion*.

- Giải Yomiuri của Báo Yomiuri Newspaper Co., cho vở kịch xuất sắc nhất, 1961, *Toka no Kiku*.

LỜI NGƯỜI DỊCH

Từ thế kỷ 15, nước Nhật có một loại nghệ thuật sân khấu giống tương tự như hát bội ở Việt Nam. Những đề tài được bộ môn này đưa lên diễn tả trên sân khấu phần nhiều bắt nguồn từ những chuyện cổ tích Nhật.

*Nghệ thuật sân khấu này tiếng Nhật gọi là **Noh**.*

*Sau đây là quang cảnh của một sân khấu hát **Noh**.*

Những nhân vật chánh đeo mặt nạ, mặc quần áo đặc biệt tượng trưng cho những vai liên hệ tới đề tài diễn tả. Một ban hợp ca đề xướng lên những bài hát được dùng làm âm thanh phụ họa cho những lời nói của nhân vật chánh. Ngoài ra còn có tiếng sáo và tiếng trống đệm.

*Sau đây là thí dụ về tuồng tích của một tuồng **Noh**.*

Chuyện cổ tích có kể rằng: ngày xưa có một chàng trai thuộc dòng dõi nho phong, thanh lịch. Anh ta yêu một thiếu nữ và nàng đặt điều kiện là anh ta phải tới hầu hạ tại nhà nàng trong chín mươi chín đêm liền, để rồi tới đêm thứ 100 thì nàng sẽ ban tình yêu cho. Anh ta đã kiên nhẫn tới nhà nàng liên tiếp trong 99 đêm liền để rồi sau đó lại ra về không. Tới đêm thứ

100, khi sắp sửa tới lúc được quyền yêu nàng, thì anh ta lại chỉ tới để tự tìm cái chết ngay trước mặt nàng. Tên người con trai đó là Fuka-kusa-no- Shosho và người con gái: Kayoi Komachi.

Trên đây là đoạn chuyện cổ tích, và tuồng Noh chỉ bắt đầu diễn tả từ khúc nối tiếp vào câu chuyện đó như sau:

Khi màn kéo lên, trên sân khấu khán giả thấy một bóng ma đàn bà mặc quần áo đỏ, có hoa sặc sỡ tượng trưng cho gia đình giàu có, đang thờ thần hái những hạt đậu. bóng ma đeo mặt nạ đó chính là hồn của Komachi hiện lên. Tiếng sáo và trống dạo đầu rồi ban hợp ca đồng xướng lên những câu hát: “Hỡi nàng con gái kia, nhặt những hạt đậu gì vậy?...”

Sau đó xuất hiện một nhà sư đi qua, nhìn thấy biết nàng là hồn ma hiện về, nên đến hỏi han. Nàng liền thú thật mọi chuyện tiền oan, nghiệp chướng đã lỡ gây ra nên bây giờ mặc dầu chết rồi hồn vẫn còn lẩn quẩn với mối tình chôn dương gian.

Nghe xong, nhà sư liền niệm Phật, tụng kinh và dùng triết lý khuyên giải để đưa hồn người đàn bà bất hạnh về Tây Trúc. Nhờ đó, hồn nàng mới siêu thoát được và không còn hiện về nữa.

Mishima rất thích loại tuồng **Noh** này, tháng nào cũng đi coi một lần. Và từ đó ông rút ra một quan niệm triết lý về cái Đẹp của nghệ thuật như sau: **“Đẹp là cái gì tàn bạo, dũng mãnh để đi tới chỗ tự hủy hoại.”**

Theo **Mishima**, loại văn chương mô tả tâm lý quần quai đau khổ của con người như văn của Shakespeare chỉ là những món ăn tinh thần của giới trưởng giả **“bourgeois”**. Loại văn chương đó không thể hiện được cái Đẹp tuyệt đối của sự vật. Cái Đẹp âm thầm, cuối cùng, vĩnh cửu chỉ có thể tìm thấy trong sự bạo động và nhất là trong sự chết. Chính cái Đẹp đó đã được thể hiện trong văn thơ của Thomas Mann với cuốn truyện **“Death in Venice”** (Bản dịch của Nguyễn Tử Lộc, Trẻ xuất bản) hay Edga Allan Poe trong tập thơ **“Con Quạ.”**

Năm 1970, **Mishima** có viết một bài nguyên văn bằng Anh ngữ, đăng trong Đặc san **“This is Japan”** dưới nhan đề **Japan Within** (Bề trong Nhật Bản) để diễn tả triết lý về cái Đẹp của sự Chết như sau:

“Nếu những sự bành trướng, kỹ nghệ và tân tiến hoá, với một đời sống xô bồ gần như điên dại của đám dân thành thị là “bộ mặt bề ngoài” của nước Nhật thì tôi tự cảm thấy cần phải cương quyết bảo vệ và tái lập nội dung “Nhật Bản bên trong”. Tuồng Noh chính là một tiêu chuẩn để tạo ra sự thanh tịnh của tâm hồn. Chính vẻ Đẹp của sự thanh tịnh đó đã lôi kéo tôi rời bỏ đời sống xô bồ hời hợt của nước Nhật bề ngoài

hiện nay. Một cái xô bồ bề ngoài đã huỷ hoại những giá trị bên trong –và thúc đẩy tôi tạo ra một bộ mặt mới khác cho Nhật Bản. Và chính sự Chết đã nằm dưới cái Đẹp đó. Một ngày nào đó rất có thể, tôi sẽ đi theo sức lôi cuốn của vẻ đẹp này để tìm tới cái chết trong sự huỷ hoại, im lặng.”

Bốn năm sau khi viết câu chuyện này, Mishima đã tự tử theo nghi lễ võ sĩ đạo. Ông sống tất cả 48 năm, kể từ lúc mở mắt chào đời tại Tokyo năm 1925.

VÀI ĐIỀU GHI NHẬN VỀ CUỐN TIỂU THUYẾT “SAU BỮA TIỆC”

Đây là một cuốn tiểu thuyết luận đề tương tự như loại tiểu thuyết luận đề **Đoạn Tuyệt** của Nhất Linh.

Những luận đề được lồng vào **Sau Bữa Tiệc** là:

Vấn đề đạo đức: Có ba khuôn mặt điển hình, tượng trưng cho 3 quan niệm đạo đức khác nhau:

Noguchi. Tượng trưng cho quan niệm Đạo Đức Bản phận theo kiểu Đạo Đức của Kant. Phải tuân theo những nguyên tắc tối thượng, bất di bất dịch của Đạo Đức. Đây là những nguyên tắc phổ quát chi phối mọi hoạt động của con người.

Kazu. Đại diện cho quan niệm đạo đức cởi mở, đạo đức sáng tạo của Bergson. Quan niệm đạo đức này cho rằng phải tùy hoàn cảnh mà áp dụng những quy luật đạo đức một cách uyển chuyển, luôn sáng tạo ra những lễ luật mới, những cách áp dụng mới.

Nagayama. Đại diện cho khuynh hướng đạo đức cá nhân. Câu châm ngôn phát biểu cho quan niệm đạo đức này như ông ta đã nói với Kazu là “Tôi làm việc tôi làm.”

Vấn đề Chánh trị. Ông đưa ra hai loại chánh khách: loại chánh khách lý tưởng (Noguchi) và loại chánh khách theo chủ nghĩa Hiện thực – Realism (Yamazaki). Mishima chứng minh sự thất bại của các chánh khách lý tưởng và ca tụng cái

đẹp của những chánh khách theo thuyết Hiện thực với nỗ lực tạo ra những “phép lạ chánh trị” và chấp nhận đường lối ma giáo của đối thủ. Đã lao mình vào chánh trường thì phải chấp nhận sự phản bội, tàn bạo của đối phương. Chấp nhận không phải để đi theo, nhưng để nỗ lực bằng đường lối chân chánh ngõ hầu lật ngược thế cờ.

Điều đó gọi là những phép lạ chánh trị. Những người chủ trương đường lối đó được gọi là theo Hiện thực chủ nghĩa. Chúng ta thấy Hiện thực có nhiều điểm giống với chủ thuyết Machiavelli nhưng hoàn toàn khác hẳn về căn bản.

Vấn đề Gia đình. Tác giả Sau bữa tiệc chủ trương con người cần có một gia đình. Nhưng nếu vợ chồng lấy nhau mà không hợp tánh tình, quan điểm thì nên ly dị. Theo ông nếu không tìm thấy hạnh phúc khi sống chung với nhau thì “chim nào nên trở về tổ nấy”. Như thế là hay hơn cả. Tiếc rằng trong cuốn tiểu thuyết này, vợ chồng Noguchi không có con, nên vấn đề ly dị dễ dàng. Nhưng nếu trong trường hợp có con, không biết tác giả sẽ giải quyết thế nào cho êm đẹp cả.

Trong khi đang dịch cuốn truyện này, một người bạn có bảo tôi: “Tiểu thuyết đã hết thời. Bây giờ người ta có phương tiện đi du lịch rộng rãi, nên không cần đọc truyện. Cuộc sống thực tế có phần còn sôi động, gay cấn hơn tiểu thuyết.”

Khi đọc xong cuốn truyện của Mishima, chúng tôi thấy tiểu thuyết vẫn là thế giới riêng biệt khác hẳn cuộc sống thực tế. Cuộc sống hàng ngày ví như địa hình, địa vật bên ngoài, và tiểu thuyết là tấm họa đồ của địa hình, địa vật đó. Nhiều khi nhờ có bản đồ mà ta tìm ra lối đi bên ngoài. Tiểu thuyết vẫn là một phương tiện suy tư và giáo dục, là một công trình căn bản của truyền thông trong lúc hai phạm vi âm thanh và hình ảnh chỉ là những phương tiện phụ thuộc rút ra từ tiểu thuyết.

Không tin, các bạn cứ thử đọc cuốn truyện này xem.

Saigon, ngày 25 tháng 4 năm 1974

Dịch giả

CHƯƠNG I

BIỆT THỰ SETSUGOAN

Biệt thự Tuyết Tan - Setsuguan - nằm trên khu đồi thuộc quận Koishikawa, ở Tokyo. Ngôi biệt thự này đã may mắn thoát khỏi cảnh tàn phá của chiến tranh. Khu vườn rực rỡ tươi tốt bao quanh rộng một trăm dặm vuông trông giống như kiểu vườn Kobori Enshu. Chiếc cổng chánh của biệt thự hình như đã được đưa từ một ngôi đền nào đó từ Kyoto về đây. Còn nhà khách thì rập theo kiểu ngôi đền cổ Nara và một phòng tiệc theo kiến trúc mới.

Trong thời gian lộn xộn do việc trưng thu tài sản sau chiến tranh gây ra, ngôi biệt thự này đã đổi chủ, chuyển từ tay một kỹ nghệ gia theo trà đạo sang tay một người đàn bà xinh đẹp, nhanh nhẹn. Dưới quyền cai quản của nàng, chẳng bao lâu ngôi biệt thự được biến trở thành một nhà hàng độc đáo.

Bà chủ nhà hàng Setsuguan tên là Kazu Fukuzawa. Kazu là một người đàn bà thân hình mũm mĩm với những nét đơn sơ, chất phác đặc biệt hiện ra rõ rệt, khiến những người có nhiều ý tưởng quanh co khi gặp nàng phải cảm thấy xấu hổ vì những mặc cảm đó của họ. Con người của nàng còn tỏa ra một năng lực mạnh mẽ và lòng nhiệt thành hăng hái mãnh liệt, khiến những người đang có tinh thần bạc nhược đứng trước nàng liền cảm thấy phấn khởi và trở nên mạnh mẽ. Tạo hóa hình như đã kết hợp trong con người của nàng lòng quả cảm của người đàn ông và sức hăng hái nhiệt thành của người đàn bà. Sự kết hợp đó khiến bà Kazu trở thành một con người đặc biệt, không người đàn ông nào theo kịp để trở nên xứng đôi vừa lứa với nàng.

Dáng điệu tự nhiên đầy tin tưởng tạo cho nàng một vẻ đơn sơ, xinh đẹp. Ngay từ lúc còn nhỏ, Kazu đã tỏ ra là một con người cứng cỏi, không bao giờ chịu nhượng bộ ai. Nàng

thích yêu hơn là được yêu. Về ngây thơ, chất phác bề ngoài che đậy một sự cương quyết đáng sợ ở bên trong, khiến cho nàng luôn luôn hành động theo đường lối riêng của mình, và những người xung quanh nàng chỉ phụ họa theo sự xếp đặt của đường lối đó.

Từ nhiều năm nay, Kazu quen biết một số bạn đàn ông, và cảm thấy đời sống trở nên hứng thú trong việc đi lại gặp gỡ với những người đàn ông này. Phải nói ngay rằng sự quen biết đi lại đó tuyệt nhiên không hề có vấn đề yêu đương xen vào. Genki Nagayama là một trong số những người đàn ông đó, mới quen biết tương đối gần đây. Ông này là một chánh khách thuộc Đảng Bảo Thủ, chuyên hoạt động ở hậu trường. Vì hơn Kazu đến hai chục tuổi, nên ông ta thường coi nàng như em gái. Ông ta hay nói: “Những người đàn bà như Kazu rất hiếm. Người như thế, nếu là đàn ông thì thế nào cũng trở thành nhân vật nổi danh. Còn là đàn bà thì phải kể là một tài nguyên thiên nhiên rất phong phú. Ngày nào có người đàn ông khêu được ngọn lửa tình trong người cô ấy lên thì phải kể như cả một trái núi lửa bùng nổ.”

Câu nói đó của Nagayama không làm cho Kazu bối rối, khi nghe người ta nói đến tai. Nhưng một hôm ngồi nói chuyện, Kazu bảo ông ta: “Genki à, anh không bao giờ khêu được ngọn lửa tình của tôi lên đâu. Tôi không bao giờ nhạy cảm với những lời tán tỉnh ông bướm đậu. Kể ra anh cũng có con mắt tinh đời trong việc nhìn người lắm đấy, nhưng mà đừng hòng lung lạc nổi tôi.”

Với cái giọng tỉnh quái của một chánh khách già, ông ta đã trả lời: “Tôi không bao giờ có ý định lung lạc cô. Chừng nào tôi mà tán tỉnh cô thì kể như đời tôi cũng tàn luôn.”

Khu vườn chung quanh Setsuguan được mọi người chú ý tới, vì vậy cần phải săn sóc chu đáo. Điểm nổi bật nhất của khu vườn là cái hồ nằm ở hướng chính Nam đối với nhà tiếp khách, có hình thù giống như đền Nara.

Khu vườn này có những cây cổ thụ vĩ đại thuộc loại rất hiếm ở Tokyo. Nào là thông, tùng, trắc, sồi tía, cây nào cây ấy cao vút tận trời xanh không hề bị nhà cửa che khuất. Từ nhiều năm nay có đôi hạc vẫn làm tổ trên một ngọn thông cao chót vót. Những loại chim khác hàng năm cũng lần lượt hẹn nhau về thăm vườn. Nhưng đông nhất là về mùa diều, hàng đàn chim đông đảo vô số từ trên không sà xuống tranh nhau mổ những trái lựu chín, hay nhặt những con sâu trên bãi cỏ rộng thênh thang.

Sáng nào Kazu cũng đi dạo một vòng quanh vườn, chỉ bảo cho những người làm vườn từng li từng tí về cách sắp xếp, trồng tỉa cây cối. Nàng nói rất rành rẽ, ấy thế mà phần nhiều họ cũng cứ quên đi. Ông giữ vườn là người rất rành nghề, vậy mà ông cũng không bao giờ dám phản đối ý kiến của Kazu. Việc đi dạo trong vườn mỗi ngày như vậy đã trở thành một thói quen nhờ đó mà nàng cảm thấy tinh thần sáng khoái.

Trong lúc đi bộ một mình ngoài vườn, cô cảm thấy sự sung sướng, thong dong của một người không bận bịu chồng con, và đó cũng là những giờ phút cô không bị ai quấy rầy. Ngoài ra, suốt ngày Kazu phải lo phục vụ thực khách một cách bận bịu. Lúc thì ca hát, lúc thì ngồi nói chuyện giúp vui cho khách, công việc đó đã trở nên quen thuộc, tuy nhiên nàng vẫn thấy mệt ghê gớm. Những phút thong dong dạo chơi ngoài vườn là bằng chứng cho thấy trái tim cô Kazu đã hoàn toàn bình thản, không bao giờ còn bị cám dỗ vào con đường yêu đương trở lại.

Ái tình không thể làm cô rối loạn được nữa. Đường tơ của lòng nàng đã đứt hẳn, ngay cả những khi nàng nhìn ngắm những tia sáng mặt trời rực rỡ, xuyên qua cành lá, đổ xuống các đám rêu xanh trên lối đi. Đã từ lâu nàng từ giã yêu đương để đi vào con đường êm tĩnh, bình thản của riêng lòng mình. Mọi tình cuối cùng giờ đây chỉ còn là một dư âm xa xôi trong dĩ vãng. Nàng tự nghĩ là mình đã được miễn trừ đối với cạm bẫy nguy hiểm của tình cảm.

Cuộc đi dạo trong bầu không khí thanh tịnh buổi sớm mai êm đềm đối với nàng như một bài thơ. Năm nay Kazu đã năm mươi, nhưng ánh mắt lúc nào cũng rực sáng, nhanh nhẹn và nhìn nàng thoăn thoắt lướt nhanh trong khu vườn rộng mênh mông, không ai có thể đoán được số tuổi đó. Hơn ai hết, chính nàng là người nhận thấy rõ những sức mạnh ngấm ngầm bên trong, nhưng nàng cũng yên chí biết chắc là sức mạnh đó đã được khoá lại kỹ càng, chúng không thể nào phá cũi, sổ lồng, bung ra ngoài được.

Đời sống của nàng hiện tại đã hoàn toàn được bảo đảm chắc chắn. Ngôi biệt thự đồ sộ với khu vườn rộng thênh thang này, những trương mục của ngân hàng, những món tiền bảo hiểm, những ông khách sộp trong giới kinh tài. Những thứ đó dư sức bảo vệ cuộc sống chắc chắn của nàng. Có tiền, nàng có thể khoá miệng hết cả những kẻ nào hay tò mò, bép xép sau lưng. Dĩ vãng của nàng đã được vùi sâu. Nàng không còn phải lo lắng gì nữa, cứ việc an nhàn vui hưởng những chuỗi ngày còn lại trước mặt, với sự kính nể của mọi người luôn luôn chịu ơn nàng trên những con đường nàng đi qua, để tiến lần tới sự thành công mỹ mãn cuối cùng.

Vào những lúc đầu óc đầy ý tưởng như vậy, nàng thường ngừng bước lại ngồi trên một chiếc băng trong vườn, mơ màng nhìn những tia nắng trải dài trên con đường phủ rêu xanh tận đàng xa, hay nghe những tiếng động thật nhỏ nhẹ của một con chim nào đó trên cành cây.

Nơi đây đã ở ngoài tầm tiếng xe cộ ồn ào, tiếng còi inh ỏi. Quang cảnh hoạt động của xã hội bên ngoài diễn ra như một cuốn phim câm, không có âm thanh. Biết bao cảm giác cháy bỏng, bao xúc động cuồng nộ từng bao lần diễn ra trong đời lại có thể tắt ngấm đi không để lại một dấu vết gì như vậy là điều khiến Kazu không hiểu nổi. Nàng tự nghĩ: quan niệm thông thường cho rằng người trưởng thành là người chất chứa trong lòng nhiều kinh nghiệm đủ loại là sai. Con người có lẽ giống như một rãnh nước hay những vạch sơn vẽ trên mặt lộ ở lối băng ngang đường. Một ngày nào đó, rãnh nước

sẽ khô cạn, vạch sơn mờ hẳn không để lại dấu vết gì, mặc dầu trong quá khứ biết bao vật khác nhau đã trôi qua trên rãnh nước, cũng như bao xe cộ đã từng in dấu trên vạch sơn trong những ngày hội hè đông đảo.

Từ nhiều năm nay, Kazu đã hiểu được thế nào là một con người mù quáng. Hiện nay nàng có thể nhìn mọi vật một cách rõ ràng với những đường nét sắc bén hiện ra của nó, chẳng khác gì quang cảnh mà nàng đã thuộc nằm lòng của khu vườn này. Nàng không còn bao giờ bị lâm vào tình trạng hồ đồ, bối rối đến nỗi hầu như có thể nhìn thấu suốt cả những ý nghĩ thầm kín của người khác. Khi nghe nói một người đàn ông phản bạn vì tiền, nàng nghĩ đó là điều hợp lý. Khi thấy một người khác thất bại trong công việc vì quá tin lời đàn bà, nàng cũng thấy đó là chuyện dĩ nhiên xảy ra. Duy có một điều chắc chắn là những tai họa như thế không bao giờ có thể còn xảy ra với nàng.

Mỗi lần có người đem chuyện thắc mắc về yêu đương hỏi, nàng thường chỉ cho họ những con đường đi thẳng vào vấn đề và đi tới cùng. Theo nàng thì tâm lý con người có thể phân chia ra thành chừng hai, ba chục ngăn khác nhau, và nàng có thể đưa ra câu trả lời rành mạch cho mọi câu hỏi phức tạp, vì rõ ràng chúng là những câu hỏi được kết hợp bởi nhiều yếu tố rút ra từ những ngăn tâm lý đó. Đối với nàng cuộc đời không còn gì có thể coi là phức tạp cả. Những lời khuyên của nàng đã căn cứ vào một số quan niệm và vào địa vị cụ thể vô địch về lãnh vực yêu đương trong đời sống. Nàng có vẻ bất chấp những ý tưởng về sự “tiến bộ” bởi vì theo nàng không có ai trên đời dù tân tiến tới đâu lại có thể không bị ràng buộc bởi những luật lệ của đam mê, vốn có từ khi con người còn ăn hang ở lỗ.

Nàng thường đưa ra nhận xét, cho rằng “tuổi trẻ ngày nay đang hành động giống hệt như tuổi trẻ ngày xưa vẫn từng làm. Có khác chẳng là ở y phục của họ. Giới trẻ có một ý tưởng điên rồ, là cái gì họ cho là mới mẻ thì người khác cũng phải coi như vậy. Dù họ có gây ra xáo trộn tới đâu chẳng nữa, thì cũng chỉ là lặp lại công việc của những người

trước họ đã từng làm. Sở dĩ những cuộc chống đối của họ trở nên càng ngày càng ồn ào, quá khích hơn là bởi vì xã hội không chịu chú ý tới các ý kiến họ đưa ra.”

Nhận xét đó thực ra chẳng có gì mới lạ đáng ngạc nhiên, nhưng vì được Kazu nói nên người xung quanh coi là một nhận xét giá trị.

Kazu vẫn ngồi yên trên ghế đá, nàng rút trong tay áo kimono ra một điều thuốc, châm lửa, rồi thưởng thức những hơi thuốc trong im lặng. Làn khói tỏa ra trong không khí lạnh gió sớm mai, uốn éo giữa trời trông giống như một dải lụa bạch. Những giây phút ung dung, tự tại này, nàng cho rằng một người đàn bà có chồng con không thể nào có được. Những giây phút đó đem lại cho Kazu cảm tưởng rằng chính mình là người đã tự tạo ra hạnh phúc của mình. Sức khỏe của nàng thực là tráng kiện, vì tối hôm qua nàng uống say không biết trời đất là gì, vậy mà bây giờ vẫn không quên thưởng thức cái thú hút điều thuốc buổi sáng. Từ chỗ ngồi, Kazu không thể nhìn thấy gì nhiều, tuy nhiên toàn thể quang cảnh khu vườn đã in sâu trong trí nhớ của nàng. Nàng biết rõ từng chi tiết trong vườn cũng như những đường chỉ trong lòng bàn tay vậy. Từ cây tùng cao lớn, xanh tươi giữa vườn với những cành lá nhỏ li ti tỏa ra xung quanh, tới những cây nho dại leo trên các cành cây khác trên đồi phía sau, quang cảnh khu vườn nhìn từ phòng tiếp tân của toà nhà chánh, với thảm cỏ rộng mênh mông, với chiếc đèn lồng ngấm tuyết, hòn đảo nhỏ ở giữa hồ với ngôi chùa con con và những bụi tre rậm rạp, những bụi cỏ voi: không có cây cỏ nào dù nhỏ bé tới đâu như một cây dâu con, hay một bông hoa lại có thể tình cờ hiện ra trong khu vườn này được. Trong khi thưởng thức những hơi thuốc, Kazu có cảm tưởng quang cảnh thứ tự lớp lang của khu vườn đã bao bọc xung quanh trí nhớ của nàng. Hết nghĩ tới khu vườn, nàng lại nghĩ đến những người ở xã hội xung quanh. Họ cũng hiện lên rõ ràng y như quang cảnh khu vườn vậy. Không những chỉ biết rõ mà thôi, nhưng nàng còn là chủ họ nữa.

CHƯƠNG II

CÂU-LẠC-BỘ KAGEN

Kazu được một nhân viên trong Nội các cho hay Câu lạc bộ Kazen muốn mượn địa điểm nhà hàng của nàng để làm nơi nhóm họp thường niên. Câu lạc bộ Kagen là một thứ tương tự như Hội ái hữu gồm những vị cựu Đại sứ. Họ cảm thấy cô đơn và tổ chức gặp nhau mỗi năm một lần vào ngày mừng bảy tháng mười một. Họ không tìm ra địa điểm để nhóm họp lần này và một nhân viên trong Nội Các thương tình họ nên đã bắn lời với Kazu. Ông ta nói:

“Họ là những nhà quý phái nay đã lui khỏi chánh trường. Nhưng trong số đó có một người vẫn còn hoạt động hăng hái, chưa chịu nghỉ. Tôi chắc chị đã nghe nói tới ông ta, đó là ông già Noguchi. Nhà chánh trị nổi tiếng Noguchi đã từng tham chánh nhiều lần trước chiến tranh. Cách đây mấy năm, ông ta đã đắc cử vào Quốc Hội trong liên danh của Đảng Cấp Tiến, nhưng lần tái cử sau đó thì ông ta bị đánh bại.”

Kazu đã được nghe nói về chương trình hoạt động của Câu lạc bộ Kagen trong bữa tiệc tổ chức ở ngoài vườn do một vị bộ trưởng khoản đãi. Vì phải bận tiếp khách nên nàng không nghe được nhiều. Khu vườn hôm đó đã bị xâm chiếm bởi một nhóm người ngoại quốc gồm cả đàn ông lẫn đàn bà. Họ ào tới như một đàn chim, không phải những con chim bé nhỏ dễ thương như mọi khi, nhưng đây là một đàn chim đông đảo, con nào con nấy đều to khổng lồ và có những bộ lông sặc sỡ đủ mọi màu sắc. Đàn chim đó đã sà xuống Setsugan.

Gần tới ngày mùng bảy tháng mười một, Kazu bắt đầu chuẩn bị chương trình tiếp đón các khách quý thuộc Câu lạc bộ Kagen. Điều quan trọng nhất trong việc đón tiếp những người khách loại này là phải làm sao bày tỏ được sự tôn kính tối đa đối với họ. Những câu nói pha trò tự nhiên hay cử chỉ thông thường, từng làm vui lòng những chánh khách

đang nắm quyền hành trong tay, có thể trở nên thất kính đối với niềm tự hào kiêu hãnh của những nhân vật từng nổi danh một thời, nhưng hiện nay đã lui về nghỉ ngơi. Nhiệm vụ chánh của nàng trong việc thù tiếp những ông khách già này là chăm chú ngồi nghe họ nói, và cuối cùng vỗ về họ bằng vài câu nhỏ nhẹ, làm sao cho họ có cảm tưởng rằng sự nổi danh một thời xưa kia, giờ đây lại rực sáng trở lại nơi đây. sau:

Thực đơn của nhà hàng Setsuguan trong bữa tiệc chiều hôm đó như

MÓN CANH

Miso trắng nấu nấm rơm, đậu xanh đãi vỏ

GỎI CÁ

Cá xắt lát mỏng chấm sốt chua ngọt

CÙ LAO

Lẩu cá thập cẩm, nước chấm chua ngọt, ớt ngọt

MÓN CHÁNH

Vịt tìm măng, mì thánh MÓN ĐẶC BIỆT Tôm hấp rượu

CÁ NẤU

Cá chép nấu canh chua

RAU TRỘN

Rau diếp, ngó sen dầu dấm

Dịp này, Kazu bận một chiếc kimono màu tím nhạt với thắt lưng có hình bông cúc, và cài một cánh hoa nhỏ bằng bạc giữa có gắn viên ngọc đen ở ve áo. Món đồ trang sức khiến cho nàng hình như cao thêm lên, uy tín hơn và khiến nhiều người phải chú ý.

Buổi chiều trời thật đẹp và ấm áp. Vào lúc sắp tối, hai người khách tới trước nhất là ông cựu Tổng trưởng Ngoại

giao Yuken Noguchi cùng đi với ông cựu Đại Sứ Nhật tại Đức Hisatomo Tamaki. Noguchi trông có vẻ hơi ốm và không được chải chuốt lắm, khi đi sánh vai với thân hình đồ sộ, bóng bẩy của Tamaki. Nhưng cặp mắt ông sáng quắc dưới mái tóc bạc. Chạm phải ánh mắt đó, Kazu hiểu ngay được tại sao ông là người chưa chịu ngồi yên một chỗ.

Bữa tiệc diễn ra vui vẻ thân mật. Nhưng mọi chuyện đều có tánh cách nhắc lại dĩ vãng. Người nói nhiều nhất là Tamaki. Bàn tiệc dọn trong phòng tiếp tân ở nhà khách. Tamaki ngồi tựa người vào cây cột lớn, ở giữa chiếc cửa sổ hình quả chuông và chiếc cửa lùa trang trí tỉ mỉ, với bức họa một đôi công màu sắc sỡ đứng giữa những bông hoa trắng. Phía trong là bức họa phong cảnh vẽ bằng một màu dịu gọi cho người xem sự tò mò phẳng phất về quý phái xa xôi của một tỉnh lỵ nào đó.

Tamaki mặc áo dạ hội may ở London; trong chiếc túi nhỏ khoảng ngang thắt lưng có bỏ chiếc đồng hồ quả quýt với sợi dây xích bằng vàng của Kaiser Wilhelm II tặng cho thân phụ ông, cũng là một Đại Sứ tại Đức. Ngay cả dưới thời Hitler, Tamaki cũng luôn luôn mang chiếc đồng hồ này và được coi là một dấu hiệu của riêng ông.

Tamaki là một người tướng mạo phương phi, ăn nói hoạt bát, có những cử chỉ biểu lộ dòng dõi quý phái, và từng tự hào mình là người hiểu biết sự thể ở đời hơn ai hết. Tuy vậy, lúc này ông ta có vẻ lơ là đối với những sự thể xảy ra xung quanh vì còn mãi mê đưa tâm trí trở về dĩ vãng với những cuộc tiếp tân có hàng năm sáu trăm hay một ngàn thực khách, với những chùm đèn hàng trăm ngọn sáng như ban ngày.

“Tôi nhớ lại một chuyện xảy ra thiệt là hay. Chuyện này mỗi lần nhắc đến tôi vẫn còn thấy ớn xương sống.” Câu nói mở đầu của Tamaki tự mình khen mình khiến người dù thích nghe kể chuyện tới mấy cũng cảm thấy chán nản. “Hồi đó trong suốt thời gian làm Đại Sứ, tôi chưa bao giờ đi xe điện ngầm ở Berlin, vì thế một hôm ông lãnh sự sứ quán, tên ông

ta là Matsuyama, kéo tôi đi một lần cho biết. Chúng tôi đi lên trên một chuyến xe có hai toa, không, hình như ba toa thì phải, tính từ dưới lên phía đầu máy. Lúc chúng tôi lên, trên xe đã khá đông. Tôi chột ngắc đầu nhìn xem ai đang đứng trước mình, và tôi giật mình khi thấy người đó chính là Goering!”

Tamaki ngừng kể, đưa mắt quan sát phản ứng của mọi người, nhưng hình như ai cũng đã được nghe câu chuyện này hàng chục lần rồi, nên tất cả vẫn ngồi bình thản. Kazu tán thưởng một cách lơ là. “Lúc đó ông ta là nhân vật quan trọng lắm. Quý vị không ngạc nhiên khi thấy ông ta đi xe điện ngầm sao?”

“Đúng là Goering, con người đầy quyền hành lúc đó. Ông ta mặc đồ thông thường của thợ thuyền, tay quàng qua vai một thiếu nữ trẻ đẹp, lặng lẽ đứng trong xe. Tôi dụi mắt, sợ rằng mình có thể trông lầm, nhưng càng nhìn lại càng thấy đúng là Goering. Không thể nào làm được, bởi vì địa vị của tôi lúc đó thì thường phải gặp ông ta hầu như mỗi ngày trong các cuộc tiếp dân. Tôi nhìn chăm chú, nhưng ông ta vẫn đứng bất động như một con dơi bị quáng mắt. Thiếu nữ kia thì nhất định phải là loại gái chơi bời, nhưng tiếc là tôi không rành về lãnh vực này lắm nên không dám chắc.”

Sau khi nói một câu tán thưởng, Kazu thêm: “Tại Ngài không chịu tìm hiểu đây chứ.”

“Trông cô gái thiệt là quyến rũ, nhưng có những dấu hiệu khả nghi, như má đánh phấn không được đều và nhất là son môi. Goering, như quý vị biết, không nhiệt thành lắm với gốc gác lao động của ông ta, đang sờ tai và vuốt lưng cô gái. Tôi nhìn Matsuyama và thấy hai mắt anh ta tròn xoe như muốn lòi ra khỏi đầu. Qua hai trạm nữa thì Goering và cô gái xuống xe. Tôi với Matsuyama vẫn còn thẩn thờ ngồi lại trên tàu. Suốt ngày hôm đó, đầu óc tôi lúc nào cũng bị Goering và cô gái trên xe điện ám ảnh. Chiều hôm sau Goering mở cuộc tiếp tân. Matsuyama và tôi tới dự, nhân dịp này đi lại gần sát

ông ta để quan sát cẩn thận. Không còn nghi ngờ gì nữa. Đích thị ông ta chính là người đứng trên xe điện hôm trước.

“Tôi không dẫn nổi tách tò mò nữa. Quên luôn rằng mình đang ở địa vị một Sứ Thần, và khi nhớ ra thì tôi đã lỡ hỏi Goering: “Hôm qua chúng tôi có đi thử xe điện ngầm để có dịp tìm hiểu đời sống hàng ngày của dân chúng. Chúng tôi nhận thấy đó thực là một kinh nghiệm quý báu. Không biết Ngài có bao giờ làm vậy hay không?”

“Nghe xong, Goering cười lớn, nhưng ông ta chỉ trả lời một cách mơ hồ: “Lúc nào chúng tôi cũng ở chung với nhân dân và là một thành phần của nhân dân, vì vậy tôi thấy không cần phải đi xe điện ngầm.” Tamaki kể lại nguyên văn câu trả lời của Goering bằng tiếng Đức, sau đó mới dịch ra tiếng Nhật.

Mặc dầu có vẻ nghiêm trang bề ngoài, nhưng những ông cựu Đại sứ này không có gì chứng tỏ họ là những người làm nghề ngoại giao cả. Họ không mấy may tỏ vẻ chú ý tới những lời nói của người khác. Cựu Đại Sứ tại Tây Ban Nha có vẻ sốt ruột chờ cho Tamaki kể xong câu chuyện để bắt đầu nói câu chuyện của ông, tả lại thời gian ông ta sống ở Cộng Hoà Dominico với tư cách một Đại Sứ tại thủ đô xinh đẹp Santo Domingo. Nào là cuộc đi bộ dọc theo bờ biển dưới bóng dừa, nào là cảnh hoàng hôn với mặt trời đỏ rực trên mặt biển Caribbean, và những cô gái với nước da óng ánh dưới bóng chiều tà... Ông già có vẻ đã ru mình vào trong những cảnh mà ông đang cố gắng mô tả lại. Nhưng với tài hùng biện, Đại Sứ Tamaki nói chèn vào và lái đề tài sang câu chuyện ông gặp cô đào chiều bóng Marlene Dietrich, lúc nàng còn trẻ. Đối với Tamaki, nói chuyện về những người đẹp vô danh không có gì thú vị cả. Theo ông, chỉ có chuyện về những người đàn bà nổi tiếng trên thế giới mới xứng đáng làm đề tài cho câu chuyện. Kazu cảm thấy khó chịu, vì trong câu chuyện của họ cứ chêm vào những tiếng ngoại ngữ, và nàng càng cảm thấy bức mình khi họ bắt đầu dùng ngoại ngữ để tán dóc những chuyện tục tĩu. Đã lâu nay khách khứa trong giới ngoại giao không tới nhà hàng, nên hôm nay

Kazu tự nhiên thấy bị lôi cuốn vào với những người khách này. Dù sao thì họ cũng là “những nhà quý phái thanh lịch hời hợt” và mặc dầu bây giờ họ có nghèo chẳng nữa, nhưng xưa kia những bàn tay này đã từng biết đến mọi thứ xa xỉ trên đời. Buồn thay khi nhớ tới những ngày huy hoàng đó, lớp bụi vàng son dĩ vãng hình như đã dính chặt mãi mãi vào mười đầu ngón tay của họ.

Nhưng trong số đó chỉ có Yuken Noguchi là khác biệt hẳn. Về mặt ông ta vẫn còn hiện rõ những nét cương nghị của một người đàn ông, và sự tinh anh hầu như không bao giờ mất được. Chỉ thoáng nhìn cung cách, người ta cũng thấy ngay ông là người không hay chú trọng tới vấn đề tình cảm cũng như cách ăn mặc chải chuốt. Cặp lông mày đậm nằm trên đôi mắt sắc và sáng, lúc nào cũng hình như đề cao cảnh giác. Thân mình dong dỏng cao của ông khiến người ta phải chú ý, và hình như có một cái gì không được cân đối. Noguchi thỉnh thoảng cũng mỉm cười, nhưng hình như ông không bị lôi cuốn vào câu chuyện của mọi người, điều này chứng tỏ ông là con người lúc nào cũng giữ một thế thủ kín đáo. Có một điều Kazu không thể không chú ý tới, đó là chiếc cổ áo sơ mi đã sờn, cũ kỹ, đeo lỏng lẻo ở đằng sau gáy.

“Một vị cựu Tổng trưởng mà ăn mặc như thế này, thật không thể nào tưởng tượng được! Hay là không có ai sẵn sóc cho ông ta?” Ý nghĩ đó lờn vờn trong đầu óc Kazu, khiến nàng chột nhìn lại cổ áo của những ông khách khác: người nào người nấy đều mặc cổ cồn trắng bóc ôm sát lấy lớp da khô khan. Noguchi cũng không thích nhắc tới chuyện quá khứ, mặc dầu trước đây ông có đi làm Đại sứ tại nhiều nước trước khi trở về đảm trách Bộ Ngoại Giao. Cái thế giới ngoại giao hình như đã bị ông đặt ra ngoài sự ông là con người duy nhất vẫn còn sống trong số những người này.

Đại sứ Tamaki bắt đầu nói lại, lần này ông kể tới cuộc tiếp tân vĩ đại nhất quy tụ tất cả giới quý tộc và Hoàng gia khắp Âu Châu với hàng rừng nữ trang, châu báu và những chùm đèn hàng ngàn ngọn sáng như ngọc lưu ly. Mặt của

các bà mệnh phụ phu nhân ánh lên màu xanh nhạt của ánh sáng tỏa ra từ những hạt kim cương vĩ đại họ đeo trên người.

Câu chuyện kể đó đề cập tới các ca sĩ tại hí viện thời trước. Một vị Đại sứ tuyên bố Galli-Curci trong bản Lucia đã tiến tới nghệ thuật diễn tả siêu đẳng, nhưng một người khác cho rằng vào lúc đó tài nghệ của Galli-Curci đã bắt đầu xuống, và bản Lucia do Dal Monte ca mà ông từng được nghe mới là tuyệt luân.

Noguchi từ lâu vẫn ngồi nghe, cuối cùng đưa ra một nhận xét: “Dù sao mình cũng vẫn có thể tự coi là còn trẻ chứ, tại sao cứ nói toàn chuyện ngày xưa như vậy?”

Noguchi vừa nói vừa mỉm cười, nhưng sức mạnh của câu nói đã khiến cho mọi người ngồi nín thinh. Kazu hầu như bị thôi miên bởi câu nói đó. Thông thường thì vào những lúc mọi người im lặng như vậy, bốn phận của người tiếp khách là phải tìm một câu nói nào đó để lấp vào khoảng trống. Nhưng Noguchi vừa đưa ra một nhận xét mà nàng thấy là quá hay, quá đúng, khiến nàng phải ngẩn ngơ và quên cả công việc tiếp khách. Nàng thầm nghĩ, “Người này có tài diễn tả những ý nghĩ hay nhưng khó nói.”

Câu nói của Noguchi đã dập tắt tia lửa cuối cùng của bữa tiệc. Tất cả những gì còn lại chỉ là đồng tro tàn vừa bị tưới thêm một gáo nước lạnh. Một ông già thúng thảng ho, tiếng ho của ông kéo dài lê thê qua sự im lặng của những người khác. Trong một lúc, người ta có thể thấy tư tưởng của họ hiện lên rõ ràng trên nét mặt: mọi người đều nghĩ tới tương lai, tới sự chết. trong ánh sáng mát dịu. Kazu lôi kéo sự chú ý của khách tới vàng trắng mọc trổ. Hơi men đã chénh choáng, mấy ông già tỏ vẻ coi thường cái lạnh về đêm, đề nghị đi dạo một vòng quanh vườn để quan sát những gì mà ban ngày họ không thể thấy được. Kazu ra lệnh cho gia nhân thấp đèn lồng lên. Ông già thúng thảng ho vừa rồi, tỏ vẻ miễn cưỡng, lần lại phía sau, nhưng cuối cùng ông cũng đành theo mọi người đi ra ngoài. Ngôi nhà khách có những

chiếc cột lớn và một khung cổng mở xuống vườn với lối kiến trúc tỉ mỉ từ đời xưa. Mặt trăng ở phía Đông vừa nhô lên, đổ bóng xuống ngôi nhà đồ sộ trên mặt đất, bên cạnh bóng của những gia nhân đang giơ cao những chiếc đèn lồng soi lối đi xuống vườn.

Mọi người đi vững vàng trên bãi cỏ, nhưng khi Tamaki đề nghị đi vào con đường mòn có phủ rêu xanh nhiều chỗ, để lần sang phía bên kia bờ hồ, Kazu bắt đầu cảm thấy hối hận về việc đã lỡ lôi kéo sự chú ý của mọi người tới ánh trăng hạ tuần tháng mười một. Năm ông già đứng trên bãi cỏ trông có vẻ yếu đuối và bất trắc quá.

Kazu lên tiếng: “Xin quý vị cẩn thận, có nhiều rêu trơn lắm.” Nhưng nàng càng cảnh họ thì họ lại càng nhất quyết thực hiện ý định một cách bướng bỉnh, họ không muốn bị coi thường như vậy. Ánh trăng vàng vạc chiếu qua các cành lá trở nên hết sức quyến rũ, khiến cho những người đã đi gần tới mặt hồ đầy ánh trăng không thể nào không đi qua phía bên kia.

Bọn gia nhân hình như nhìn thấy sự lo ngại của Kazu, chúng vội vàng giơ cao những chiếc đèn lồng, soi vào các chỗ lồi lõm nguy hiểm, những chỗ có phủ rêu trơn trên mặt đất và lưu ý quan khách: “Buổi tối trời lạnh dữ.” Kazu để hai tay áo kimono trước ngực nói thêm: “Vậy mà ban ngày thì trời lại ấm áp.” Noguchi đi cạnh, Kazu nhìn thấy rõ những hơi thở của ông biến thành làn hơi trắng dưới bộ râu mép tỏa ra trong ánh trăng sáng. Ông không hề để ý tới những nhận xét của Kazu.

Kazu đi trước dẫn đường, nhưng vô tình nàng đi nhanh quá, bỏ lại khách còn đang lờ mờ ở phía sau với những ngọn đèn lồng đang tỏa ánh sáng soi đường cho họ. Những ngọn đèn và mặt trăng cùng in bóng dưới mặt hồ trông thật là đẹp. Kazu không đành lòng được khi nhìn quang cảnh đẹp đó, nàng đứng từ phía bờ hồ bên kia la lớn: “Đẹp quá! Nhìn mặt hồ kia, đẹp quá!”

Tai nạn xảy ra sau khi mọi người đã hoàn tất cuộc đi dạo ngoài vườn và trở về nhà khách. Kazu thấy một chiếc lò sưởi ga lớn được đặt giữa phòng và mọi người tự ý chọn chỗ ngồi để sưởi ấm, xua đuổi hết cái giá lạnh mang ngoài vườn vào. Tamaki ngồi lặng thinh, không nói năng gì mặc dầu câu chuyện đang có vẻ sống động. Mọi người vừa nói chuyện vừa ăn bánh, trái cây, và uống trà bột. Đã tới lúc chuẩn bị chấm dứt cuộc họp mặt hôm nay và Tamaki đi vào phòng rửa mặt. Khi mọi người đều sẵn sàng đứng lên từ biệt nhau, Tamaki vẫn chưa thấy trở ra. Mọi người đều ngồi nán lại chờ ông ta. Sự im lặng có vẻ nặng nề. Cả bốn người hình như đều nghĩ rằng lúc này không ai còn muốn nghe kể chuyện nữa.

Họ quay ra hỏi thăm sức khỏe của nhau: một người bị xuyễn, người khác đau bao tử và một người nữa bị thiếu máu. Noguchi với vẻ mặt có vẻ quan trọng, không góp chuyện. Ông ta lặng lẽ đứng lên và nói: “Để tôi đi coi thử.” Kazu cũng vội vàng đứng lên theo, chỉ lối cho Noguchi đi dọc theo dãy hành lang láng bóng. Hai người tìm thấy Tamaki ngã gục, bất tỉnh trong phòng rửa mặt.

CHƯƠNG III

Ý KIẾN CỦA BÀ TAMAKI

Từ trước tới giờ tại nhà hàng Setsugoan chưa bao giờ xảy ra trường hợp như thế này, nên Kazu tỏ vẻ hốt hoảng kêu mọi người tới cấp cứu. Bọn gia nhân đã bu lại quanh nàng, nàng ra lệnh cho chúng gọi tất cả các gia nhân đàn ông tới. Những ông khách thuộc Câu lạc bộ Kagen cũng đã chạy cả ra hành lang. Trong không khí hốt hoảng, nhốn nháo đó, tiếng nói của Noguchi vang lên một cách bình tĩnh. “Không sao, đây có thể chỉ là một cơn xúc động mạnh. Thiệt là phiền cho nhà hàng, nhưng có lẽ chúng ta không nên di chuyển ông ta đi vội. Để tôi kêu một bác sĩ tới. Quý vị đều có gia đình đang mong, quý vị cứ việc về trước. Tôi không có gì bận bịu, để tôi lo việc này được rồi.” Câu nói bình tĩnh, sáng suốt và giọng nói chứa đầy sức mạnh đã vang lên bên tai Kazu với những dư âm còn văng vẳng. Những tiếng “tôi không có bận bịu gì” phát ra tựa như những tiếng ngân của một sợi dây bạc lóng lánh, chạy thẳng vào trái tim của Kazu.

Kazu lảng xảng giữa đám đông đứng xung quanh Tamaki, nhưng nàng hầu như không biết gì cả. Trong óc nàng chỉ còn một ý nghĩ rõ rệt, đó là câu nói của Noguchi. Bà Tamaki đã tới. Kazu cảm thấy mình có phần nào trách nhiệm trong tai nạn này, và vừa khóc vừa xin lỗi về sự thiếu chu đáo của mình. Nhưng sự biểu lộ tình cảm đó vẫn không làm tan biến được những tiếng nói của Noguchi trong đầu óc nàng.

Noguchi đang đứng cạnh nàng, liền lên tiếng: “Xin bà đừng quá bối rối, vì đây là lần đầu tiên bạn tôi tới nhà bà, nên bà làm sao biết rõ tình trạng sức khỏe của ông ta được. Hơn nữa, chính ông ấy đã đề nghị cuộc đi dạo ngoài vườn mà.”

Tamaki tiếp tục nhắm nghiền đôi mắt và bắt đầu thở lớn.

Bà Tamaki là một người đàn bà trung niên, nhan sắc còn rất mặn mà quyến rũ và trẻ hơn tuổi nhiều. Bà không có vẻ gì xúc động lắm trước tình trạng của chồng. Bà hơi chau mày mỗi khi nghe tiếng nhạc vọng ra từ phòng tiệc chánh, nơi có ban nhạc vẫn còn tiếp tục chơi. Trước lời khuyên của bác sĩ nên để cho ông Tamaki nằm nghỉ lại đây ít nhất là cho tới hết ngày mai, bà đã cương quyết phản đối, viện lẽ rằng xưa nay chồng bà có tánh nhất định không muốn làm phiền người khác. Nếu để như vậy, sợ khi tỉnh lại, ông sẽ không bằng lòng. Nàng nói: “Nhà hàng còn có nhiều khách khứa. Hơn nữa nhà tôi không phải khách quen nên không thể nào làm phiền bà chủ nhà hàng thêm nữa. Cần phải đưa ông ấy vào bệnh viện ngay càng sớm càng hay.”

Nhưng Kazu nói: “Đối với bệnh nhân, việc cứu người là quan trọng, không thể câu chấp vào những vấn đề giữ lễ như vậy. Cứ việc để ngài Tamaki nằm lại tĩnh dưỡng nơi đây cho tới khi nào ngài tỉnh táo hẳn.” Bà Tamaki lại kể ra những lý do chống lại ý kiến đó và nhiều lần cảm ơn Kazu. Sự thủ lễ thận trọng giữa hai người đàn bà trở nên khó giải quyết trong khi ông Tamaki vẫn nằm lặng thinh trên gối thờ khò khè. Hai người đàn bà như hai ông tướng cầm cự nhau ngoài mặt trận, nhất định giữ vững phần đất của mình, không ai nhượng ai một tấc nào, khiến cho vị bác sĩ người to lớn cũng phải cảm thấy mệt mỏi.

Lúc này Tamaki đã được đưa vào nằm trong một căn phòng ở dãy nhà xép bên cạnh nhà khách. Căn phòng thật rộng và trang trí lịch sự, nhưng Tamaki có còn biết gì đâu. Trong phòng có mặt Noguchi, bác sĩ, bà Tamaki, một nữ y tá và Kazu. Noguchi nháy mắt ra hiệu cho Kazu và cả hai im lặng ra khỏi phòng. Noguchi đi trước một quãng. Kazu ở phía sau, nhìn dáng đi chắc chắn của Noguchi, nàng có cảm tưởng như chính ông ta là chủ ngôi nhà này và nàng chỉ là một người khách.

Họ đi hết dãy hành lang rồi quẹo về phía trái, nơi đây hiện ra một mảnh vườn sau nho nhỏ, xinh xinh với muôn sắc hoa đua nở, khác hẳn với khu vườn rộng thênh thang phía

trước, nhưng không hề có một bông hoa nào. Một mảnh vườn sau với những đóa hoa bất ngờ là cái thú riêng mà Kazu tự dành cho mình. Vườn hoa còn có một hồ nước nhỏ nuôi đủ thứ cá, ốc. Về mùa hè, Kazu có thể thấy những con ốc bò lên làm tổ dưới gốc khóm bông trong tia nắng ấm áp. Và khi hoa lá trở nên lộn xộn là lúc báo hiệu mùa thu đã tới.

Cạnh vườn hoa là căn phòng nhỏ, đó chính là phòng riêng của Kazu. Nàng đã quyết định không mời Noguchi vào phòng và cũng không chỉ cho ông ta biết đó là phòng mình. Hai người ngồi ở hành lang phía sau cửa nhà khách trông ra vườn bông. Vừa ngồi xuống Noguchi đã lên tiếng trước: “Bà thật là bướng bỉnh. Khi bà ta nhất định đem ông ấy đi thì mình cũng không nên giữ.”

“Nhưng một người khách - dù là khách mời - chẳng may gặp tai nạn ở đây thì tôi không thể nào không lo săn sóc cho họ.”

“Phải, đó là điều bà muốn chứng tỏ cho mọi người thấy như vậy. Nhưng chắc bà cũng thừa hiểu lý do tại sao bà Tamaki nhất định không muốn để ông ấy nằm lại đây. Đó không phải là vấn đề lịch sự. Bà đâu phải là trẻ con mà không nhận ra điều đó.”

Kazu mỉm cười và khoé mắt nàng cũng có những tia sáng vui vẻ: “Tôi biết.”

“Nếu biết mà bà còn làm như vậy thì bà cũng là một người cố chấp như bà ấy vậy.”

Kazu không trả lời, nhưng lái câu chuyện qua vấn đề khác.

“Bà Tamaki là người thế nào mà chồng sắp chết nằm đó, bà ấy còn đánh phẩn trát vào mặt trước khi đi.”

“Đó là thói quen tự nhiên, vì chị ấy là vợ của một ông Đại sứ.”

Im lặng một lát rồi Noguchi nói tiếp: “Dĩ nhiên đó không phải là chuyện đáng bắt chước.” Rồi cả hai cùng không nói gì nữa. Kazu cảm thấy sự im lặng thực là dễ chịu.

Tiếng đàn hát nhẹ nhàng, xen lẫn tiếng cười nói vọng tới từ phòng tiệc chánh. Kazu cảm thấy thoải mái, dù sao thì nàng cũng đã trút được những lo lắng, bối rối do tai nạn vừa gây ra. Noguchi ngồi tựa vào thành ghế và rút ra trong túi một điều thuốc, gắn lên môi. Kazu vội vàng chạy tới bật lửa.

“Lịch sự quá.” Noguchi nói với giọng tự nhiên, nhưng Kazu cảm thấy có một cái gì liên hệ ngầm chứa trong câu nói đó, sự liên hệ đó không phải chỉ là liên hệ chủ khách nhưng còn hơn thế nữa. Nàng cảm thấy trong lòng sung sướng rộn rã.

Kazu lên tiếng: “Tự nhiên tôi thấy ớn quá. Tôi nghiệp cho ông

Tamaki! Chắc ông ta bị ngấm rượu saké.”

Noguchi trả lời một cách hững hờ: “Tôi cũng nghĩ vậy. Thiệt là khó hiểu về sự khoe khoang cố chấp ở một người đàn bà. Bà Tamaki chỉ lo chồng bà ấy không được chết trên giường ở bệnh viện đang hoàng, nên nhất định không chịu để ông ta lại đây, dù rằng hành động như thế có thể đem tới cái chết nhanh hơn. Riêng tôi, tôi chỉ thấy buồn nếu mất một người bạn già, và muốn yêu cầu bà để cho anh ấy nghỉ lại đây tới chừng nào bác sĩ bảo có thể đi được. Nhưng dù sao tôi cũng chỉ là một người bạn, trong khi chị ấy là vợ, tôi không thể nào vượt quyền của chị ấy. đành chịu vậy, chớ biết làm sao.”

Kazu cảm thấy muốn nói một câu gì với Noguchi. “Như vậy là ông không thực tình thương bạn. Nếu ở vào trường hợp tôi, tôi sẽ hành động theo tình cảm và sự suy đoán của mình, bất kể những ý nghĩ của người khác. Tôi thường hành động như vậy, theo con đường riêng của tôi, khi đã dính líu vào một vấn đề gì.”

“Đêm nay bà có vẻ đã bị tình cảm chi phối nhiều đấy.” Giọng Noguchi có vẻ nghiêm nghị. Kazu cảm thấy rất sung sướng khi nghĩ rằng Noguchi đã ghen với những cảm tình mình dành cho Tamaki, và vội vã giải thích một cách ngây thơ: “Không, đó chỉ là tôi giả dụ như vậy. Thực ra trong tai nạn này tôi chỉ thấy mình có phần trách nhiệm, chứ thực không hề có tình ý gì đặc biệt với ông Tamaki cả.”

“Như thế là chỉ vì bà cố chấp. Trong trường hợp này nên đưa Tamaki vào bệnh viện ngay.” Câu nói của Noguchi như một lời phán quyết cuối cùng, vừa nói ông ta vừa xô ghế đứng lên, khiến Kazu cảm thấy mình bị chới với không còn gì để kể lại. Tuy nhiên sau đó nàng vẫn trả lời một cách bình tĩnh, điều đó cho thấy nàng quả là con người có một tinh thần mạnh.

“Vâng. Đúng như ý muốn của bà Tamaki.”

Cả hai người im lặng đi trở lại dọc theo hành lang. Tới nửa đường Noguchi mới lên tiếng: “Bây giờ đưa anh ấy ào nhà thương rồi, tôi phải về nhà. Sáng mai thể nào tôi cũng phải vào thăm anh ấy. Tôi rảnh cả ngày mà.”

Khách ở ngoài phòng tiệc chánh có lẽ đã ra về hết. Tiếng âm nhạc giúp vui tắt hẳn. Kazu dẫn Noguchi đi qua phòng tiệc chánh vì đó là lối đi gần nhất để tới chỗ Tamaki đang nằm. Mấy người làm đang dọn dẹp trong phòng cúi đầu chào hai người. Họ đi qua hai tấm màn lớn màu vàng được dùng làm hậu cảnh cho các cuộc trình diễn giúp vui hồi tối. Giờ đây bức màn đã được cuộn lại, vẽ huy hoàng, ầm cúng của nó hình như còn phẳng phất đầu đây, nhưng bầu không khí có vẻ âm u, huyền ảo.

Kazu hỏi một người làm: “Tôi không dự bữa tiệc này được, sao, quan khách có vui vẻ cả không?” Người đàn ông dáng điệu tinh ranh nhìn Kazu tỏ vẻ nghi ngại lầy làm khó nói, vì xưa nay anh biết tánh của bà không bao giờ nói tới chuyện của nhà hàng trước mặt khách. Và hiện giờ rõ ràng Noguchi là một người khách đang đứng cạnh bà.

Sau cùng anh ta trả lời: “Thưa vui vẻ, mọi người đều vui vẻ cả.”

Noguchi và Kazu lặng lẽ đẩy cánh cửa, vào phòng Tamaki đang nằm. Bà Tamaki nhìn hai người với cặp mắt sắc sảo. Cặp lông mày khẽ rút chòm cong vút của bà hơi nhú lại. Bà đứng lên tắt bớt một ngọn đèn giữa phòng.

CHƯƠNG IV

ĐÔI BẠN NHÀN RỒI

Đại sứ Tamaki đã được đưa vào bệnh viện của Trường Đại Học. Sáng hôm sau Kazu tới thăm, nhưng ông ta vẫn còn đang ở trong tình trạng mê man. Kazu gởi trái cây tới phòng bệnh nhân rồi ra ngồi trên một chiếc băng bọc nệm ngoài hành lang phía cuối toà nhà để đợi Noguchi. Tự nhiên Kazu cảm thấy háo hức, nóng lòng và nằng thăm nghĩ có thể Noguchi không tới và mình đã mê ông ta mất rồi.

Với ý nghĩ đó vẫn vờ trong đầu, Kazu kiểm điểm lại cuộc sống riêng tư của mình từ lâu nay và thấy rằng mình chưa bao giờ yêu một người ít tuổi hơn mình. Bọn thanh niên lúc nào cũng có vẻ thừa thãi sinh lực, muốn bố thí cho người khác. Điều đó khiến họ trở thành kiêu căng, nông nổi, không thể nào chấp nhận được. Hơn nữa ngày nay liệu đã có được mấy người trong giới trẻ có một tinh thần lạnh mạnh trong thân xác tráng kiện. Thường thường họ được cái nọ thì mất cái kia. Kazu là người có tâm hồn cứng cỏi, nằng cảm thấy không thể nào yêu nổi bọn thanh niên vờ vờ, ủy mị đó.

Ngồi đợi mãi ở hành lang bệnh viện, nằng chợt cảm thấy không khí nơi đây có vẻ âm u, lạnh lẽo lạ thường. Kazu nhìn dọc theo dãy hành lang dài để nhận lại vị trí phòng của Tamaki đang nằm. Căn phòng đó rất dễ nhận, vì phía trước có để một chậu kiểng. Kazu chợt để ý tới tiếng sủa của nhiều con chó cùng một lúc. Nằng nhìn ra ngoài hành lang, dưới bầu trời xám thấp có một khu xung quanh rào lưới thép, bên trong kê hàng dãy rất nhiều chuồng chó, cái nào cũng có đánh số và không có cái nào làm giống cái nào, mỗi chuồng đều có một chú khuyển. Đó là những con chó được sử dụng trong phòng thí nghiệm của bệnh viện. Trông chúng có vẻ đầy những nét tuyệt vọng: một vài con thật gầy ốm, trố cặp mắt nhìn Kazu không chớp, trông giống như những cặp mắt bằng sành, những con khác có vẻ khoẻ mạnh và béo tốt

hơn. Chúng kêu lên ư ử một cách thật đáng thương hại, để kêu gọi cảm tình của con người.

Nhân viên trong bệnh viện có vẻ đã quá quen thuộc với những tiếng kêu đó, không ai buồn để ý tới, dù là một cái liếc mắt. Đằng sau khu rào lưới thép đó là một toà nhà ba tầng cũ kỹ dùng làm phòng thí nghiệm với những ô kính kín mít in hình những đám mây xám trên nền trời, trông chẳng khác gì những con mắt đã bị kéo màng không còn một chút tò mò nào.

Kazu tự nhiên cảm thấy lòng buồn vô hạn khi nghe những tiếng rên thảm thương của loài chó. Ngay chính nàng cũng tự lấy làm ngạc nhiên về sự thương tâm quá độ đó của mình. Nàng thầm than: “Chó ơi, chó ơi, sao đời khổ quá như vậy!” Nàng thử nghĩ cách cứu chúng, nhưng cảm thấy vô phương thực hiện. Mãi nghĩ tới mấy con chó mà Kazu đã quên được thời gian chờ đợi.

Lúc Noguchi tới, thấy Kazu khóc nên ông hỏi, “anh ấy mất rồi sao?” Kazu vội vàng cải chính, nhưng nàng bối rối, không biết tìm cách nào để giải thích được những giọt nước mắt của mình.

Noguchi buột miệng hỏi một câu rất trẻ con và ngớ ngẩn: “Chị chờ ai sao?”

Kazu trả lời chắc chắn: “Không có.” Và nàng nở một nụ cười trên đôi má bầu bĩnh.

Noguchi nói: “Vậy thì hay lắm. Chị ngồi chờ, để tôi vào thăm anh ấy một lát, mau thôi, không lâu đâu, rồi chúng mình sẽ đi dạo một vòng ngoài phố và kiếm cơm ăn luôn.”

Lúc hai người bước xuống những bậc đá ở phía sau trường Đại học thì những đám mây xám đã bốc lên cao. Mặt trời sũng nước xuất hiện, toả ra những tia sáng le lói.

Kazu đã có xe chờ sẵn, nhưng nàng bảo tài xế đánh về vì Noguchi muốn đi bộ.

Nghe Noguchi cương quyết đòi đi bộ, Kazu cảm thấy quyết định đó giống như một lời chỉ trích thẳng vào những cái xa hoa, phù phiếm của mình. Sau này có nhiều chuyện Kazu không đồng ý, nhưng mọi cách xử sự dù nhỏ nhất của ông ta, nàng thấy cũng hình như ngầm ẩn những quy luật đạo đức.

Họ băng qua đường để đi về phía công viên Ikenohata. Trên mặt lộ, xe cộ đa loại chạy như nước chảy một cách bất tận, Kazu rất tự tin và nàng cảm thấy mình có thể băng qua lộ một cách dễ dàng. Nhưng Noguchi ngược lại, tỏ ra rất thận trọng. Kazu bước xuống mặt lộ, nhưng Noguchi kéo lại, miệng nói: “Chưa được.” Nàng đành miễn cưỡng đứng lại, thế là mất một dịp để băng qua, vì những chiếc xe khác đã chạy trờ tới, lấp kín khoảng trống trên mặt đường. Đứng chờ mãi, cuối cùng Kazu sốt ruột, nắm cánh tay Noguchi kéo xuống đường, miệng nàng la: “Đi lẹ anh.”

Lúc đã sang tới bên kia đường rồi, Kazu vẫn còn nắm chặt bàn tay Noguchi, bàn tay bé nhỏ gầy guộc như một nhánh cây. Noguchi rút lại bàn tay, nhưng vô tình, Kazu hình như muốn giữ lại. Noguchi cố gắng rút bàn tay về, sự cố gắng đó đã khiến Kazu nhận ra mình còn đang nắm tay ông và nàng vội buông ra. Động tác của hai người giống như đứa trẻ vừa vùng chạy thoát khỏi tay người lớn.

Kazu nhìn vào mắt Noguchi quan sát, nhưng thấy ông vẫn bình thản như không có chuyện gì xảy ra.

Hai người đi vòng quanh bờ hồ trong công viên. Từng cơn gió nhẹ nhưng lạnh buốt từ mặt hồ đưa lên. Mặt nước trong xanh, phủ một lớp hơi trắng bâng bạc trải dài suốt mặt hồ rộng cho tới tận bờ xa xa bên kia. Vài chiếc thuyền lướt êm trên những gợn sóng lăn tăn. Bờ hồ phủ một lớp lá cây, những chiếc lá vàng xen lẫn cả những chiếc hầy còn xanh, và một lớp khác ở bên dưới đã mục đen.

Từ phía xa, một toán học sinh tập thể dục đang chạy tới. Chúng mặc đồng phục, đi giày bố và cầm đầu cầm cổ chạy,

không hề nhìn sang hai bên đường. Hình như chúng đã chạy được một vài vòng quanh hồ rồi, hơi thở chúng có vẻ thấm mệt và nét mặt khó khăn, vất vả, gợi lại hình ảnh của pho tượng Asura tại đền Kofukuji. Những đứa trẻ chạy qua hai người, tiếng giày bố nện trên mặt đất xa dần. Trong bọn có một em quàng chiếc khăn đỏ ở cổ, chiếc khăn bay phất phới thấp thoáng qua những thân cây trông thật đẹp mắt.

Noguchi lấy làm thích thú nhìn mấy đứa trẻ xa cách ông gần nửa thế kỷ, nói với Kazu: “Đẹp quá! Con nít coi ngộ thiệt. Tôi có quen biết một người bạn, anh ta bỏ hết cả thì giờ để lo cho hướng đạo. Thấy thế tôi thường cho là anh ta làm những việc không đâu, nhưng bây giờ thì tôi đã hiểu được tại sao anh ấy lại hành động như vậy.”

Kazu trả lời: “Vâng, trông chúng ngây thơ và đẹp thiệt.” Nhưng đồng thời nàng cũng nghĩ rằng mình không thể nào có được những đứa trẻ như thế, và nàng cũng không lấy đó làm điều thất vọng. Nàng chỉ thấy điều nhận xét của Noguchi là một sự thực đã rõ ràng, không đem lại cái gì ngạc nhiên, mới mẻ. Hai người nhìn theo bọn trẻ chạy vòng quanh trên bờ hồ, bóng chúng in xuống mặt nước lung linh. Phía xa hơn nữa là những cao ốc thuộc khu Ueno Hirokoji. Hai trái bóng bóng lớn màu cà chua vừa được thả lên, lơ lửng giữa bầu trời trắng đục.

Kazu chợt nhận thấy hai tay áo của chiếc áo khoác Noguchi đang mặc đã quá cũ và sờn chỉ. Mỗi khám phá mới về con người của ông là một sự phê bình nghiêm khắc đối với nàng và nàng nhận thấy mình không thể làm gì để giúp đỡ ông trong những điều vừa mới tìm ra được, vì ông không bao giờ chấp nhận sự giúp đỡ của người khác.

Noguchi tỏ vẻ ngạc nhiên về sự chú ý của Kazu, ông hỏi: “Chị lấy làm lạ lắm sao? Cái áo này tôi may ở London từ năm 1928. Mình cần trong lòng trẻ trung là được, còn quần áo thì càng cũ càng quý. Có phải vậy không?”

Hai người đi ngang cù lao Benten, xung quanh mọc đầy sen tươi tốt, qua cổng vào đền Gojo Tenjin Shrine và bắt đầu lên đồi Ueno. Bầu trời trong xanh, đằng sau những thân cây trơ trụi. Hai người còn đang mãi nhìn trời khi đi tới lối vào cổ kính của nhà hàng Seiyoken. Phòng ăn lác đác một ít thực khách.

Noguchi gọi một phần ăn trưa. Kazu cũng làm theo. Hai người ngồi cạnh cửa sổ. Nhìn xuống phía dưới, họ có thể thấy một ngôi miếu cổ. Kazu tỏ vẻ sung sướng vì trong phòng được sưởi ấm áp. Nàng xuýt xoa: “Ồ ngoài lạnh thật.”

Đầu óc Kazu đang bận nghĩ về cuộc đi dạo vừa rồi. Đây là lần đầu tiên nàng biết đến cái thú này vì thời giờ của nàng từ trước tới nay hầu như được dành vào việc giúp vui cho khách. Nàng thường có thói quen ngẫm nghĩ, phân tích về những hành động của mình sau khi chúng đã xảy ra. Nhiều khi nàng vừa nói chuyện vừa khóc và chính nàng cũng không hay tại sao mình khóc như vậy.

Nghe Kazu than lạnh, Noguchi cũng vẫn điềm nhiên, không hề tỏ ý xin lỗi về hành động bắt nàng đi dạo vừa rồi. Thấy thế, Kazu vội vàng giải thích thêm: tuy lạnh, nhưng nàng đã thấy rất thích thú. Chờ cho nàng nói xong một hồi, Noguchi mới chen vào được một câu: “Tôi thấy vui thiệt.” Giọng nói của ông có vẻ lơ là, nhưng trong khoé mắt người ta nhận thấy những tia sáng hạnh phúc đang lóe lên.

Đây là lần đầu Kazu phải đối phó với một người đàn ông mà nàng thấy mình không thể nào tranh luận lại. Thường thường đối với khách hàng từ trước tới giờ, nàng thường nói nhiều hơn họ. Nhưng với Noguchi nàng không thể nào làm như vậy. Hình như ông ta đã điều khiển nàng một cách dễ dàng. Không hiểu tại sao một ông già sống một cách đơn sơ lại có được sức mạnh lạ lùng như vậy.

Hai người cùng im lặng. Kazu quay nhìn bức họa điêu khắc để trong một chiếc hộp kính, với những chữ nho “một phòng đầy khách quý” và hình khắc chiến hạm /se đang rẽ

sóng tiến lên. Những nét khắc phản ánh nghệ thuật thể kỷ mười chín của nước Nhật. Lớp sơn đỏ của vỏ tàu chìm dưới làn nước trông tựa như chiếc váy lót đàn bà. Hình ảnh của một ông cựu Tổng Trưởng mặc đồ Ăng-lê xưa ngồi ăn tại nhà hàng kiểu Tây phương có từ cả thế kỷ nay khiến Kazu cảm thấy tức bực, vì xưa này nàng vẫn tự hào mình là người sống trong giới thượng lưu của xã hội.

Noguchi lên tiếng: “Nghệ thuật sống hòa mình để tìm hiểu cách giáo hóa quần chúng là điều tôi đã thấy được trong suốt một đời học hỏi, tìm tòi. Tiện nội quá vãng của tôi thực là một người đàn bà lý tưởng và tôi nhận ra này điều đó trong lần đầu gặp gỡ. Chỉ bằng vào một cái liếc mắt, tôi có thể đi tới quyết định một cách nhanh chóng. Nhưng tiếc thay tôi không có tài nhìn thấu tương lai, số mệnh con người nên không thể nào biết được mệnh nàng ngắn ngủi. Nàng ngã bệnh và qua đời vào lúc chiến tranh vừa kết thúc. Chúng tôi chưa có đứa con nào. Vì vậy mà giờ đây phải sống trong cảnh cô độc... À, nếu ăn không hết thì chị cứ việc vét gọn nó vào một góc đĩa rồi đặt muống vào như thế này là xong.”

Kazu đã bỏ muống nữa xuống rồi, nhưng khi nghe Noguchi nói, nàng lại vội vàng lúi rúi làm theo. Từ trước tới giờ chưa hề có người đàn ông nào chỉ bảo cho nàng cách ăn uống theo kiểu Tây phương.

Noguchi làm như thể không hề biết tới nét mặt lúng túng của Kazu, tiếp tục nói: “Tháng Hai tới đây có lẽ tôi đi dự lễ Omizutori ở Nara. Có mấy người bạn mời đi cùng, hơn nữa mấy năm nay tôi không được xem Omizutori lần nào. Chị có đi bao giờ chưa?”

“Chưa. Có mấy lần tôi cũng được mời, nhưng rồi...”

“Chị nói sao? Chắc là chị bận. Nhưng lần này cùng đi với tôi cho vui, chị nghĩ thế nào?”

Kazu trả lời ngay: “Vâng.”

Còn những ba bốn tháng nữa mới tới ngày Lễ, nhưng câu trả lời “Vâng” nàng vừa thốt ra khiến cho trong người cảm thấy sung sướng, lâng lâng. Không khí ấm áp trong phòng khác hẳn cái giá lạnh bên ngoài khiến nàng cảm thấy rạng rỡ và hai má ửng hồng, muốn che đậy cũng không được.

Noguchi sẽ mân mê chuôi con dao ăn được chạm trổ tỉ mỉ và nói: “Trông chị hình như đang có một ngọn lửa đốt cháy trong lòng vậy.” Nói xong, Noguchi có vẻ thích chí và tự tin về tài nhận xét người khác của ông.

Kazu thì sung sướng ra mặt, nàng nói: “Nhiều người vẫn chọc tôi trông giống như trái cầu lửa, không biết có đúng vậy không?”

“Tôi không có ý trêu chị đâu.” Câu nói đùa của Noguchi hơi có vẻ lên giọng. Kazu im lặng luôn.

Sau đó câu chuyện giữa hai người lại được tiếp tục. Lần này Noguchi nói về hoa lan, một vấn đề mà Kazu hoàn toàn mù tịt không biết tí gì. Vì vậy nàng chỉ còn biết ngồi im nghe Noguchi nói thao thao bất tuyệt về các giống lan, và nàng nghĩ thầm chắc trước đây hồi trẻ Noguchi đã hãnh diện phô trương sự hiểu biết rộng của mình với mấy cô gái mà ông mê thích.

“Chị biết chậu lan ở đằng sau chị kia là loại lan gì không?”

Kazu quay qua quan sát kỹ lại những bông lan. Đó là loại lan nhiệt đới, bông của nó gồm một chùm duy nhất, trơ trọi như cái đuôi ngựa. Càng nhìn lâu, Kazu càng thấy bông lan cứng cỏi tựa như một bông hoa nhân tạo, hoàn toàn không thích hợp với không khí êm tĩnh của buổi chiều Đông.

Tủ Sách Văn Học Thế Giới
LÊ THANH HOÀNG DÂN

YUKIO MISHIMA SAU BỮA TIỆC



TUYẾT SINH DỊCH VÀ GIỚI THIỆU